TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ĐỨC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04A /2018/HNGĐ -ST
Ngày: 28/3/2018.

" V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Ông Nguyễn Anh Huy**

Các hội thẩm nhân dân:

1. **Bà Đào Thị Xê.**

2. **Bà Nguyễn Thị Tu.**

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mai Oanh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hoài Đức -Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Diệp - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức -Thành phố Hà Nội.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoài Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý thụ lý số: 74/2019/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 03 năm 2019 về việc :"*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 01/03/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐST-DSST ngày 15/03/2019 giữa các đương sự:

NguY đơn: Chị NTH, sinh năm 1987.

Trú tại: Thôn ĐL, xã ĐL, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh NTY, sinh năm 1981.

Trú tại: Thôn ĐL, xã ĐL, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản hòa giải và tại các văn bản , tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Toà án và tại phiên toà nguY đơn là chị NTH trình bày:

Về tình cảm: Chị NTH và anh NTY, sinh năm 1981, trú tại: Thôn ĐL, xã ĐL, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội đăng ký kết hôn từ năm 2009 tại UBND xã ĐL, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. NguY nhân mâu thuẫn vì quan điểm sống không hợp nhau. Tháng 10/2013, chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, đến thời điểm tháng 10/2016 chị về nước. Tuy nhiên, khi chị về, tình cảm vợ chồng ngày càng có mâu thuẫn trầm trọng. Đến ngày 27/12/2016, chị tiếp tục đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan và đến thời điểm xin ly hôn là tháng 12 năm 2018 chị mới về nước. Do tính cách không hòa hợp và thường xuY mâu thuẫn cùng với việc đã sống ly thân 06 năm, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị xin ly hôn với anh NTY và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn.

Về con chung: Chị NTH và anh NTY có một con chung là cháu NTNK, sinh ngày 12/09/2009. Khi ly hôn, chị đề nghị giao con chung cho anh Y trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung vợ chồng: Chị NTH không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Trong bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại các văn bản, tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Toà án và tại phiên toà bị đơn là anh NTY trình bày:*

Về tình cảm: Anh NTY và chị NTH, sinh năm 1987, trú tại: Thôn ĐL, xã ĐL, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội đăng ký kết hôn năm 2009 tại UBND xã ĐL, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Anh không thừa nhận việc vợ chồng có mâu thuẫn tuy nhiên anh thừa nhận sau khi kết hôn chị H

đã đi xuất khẩu lao động từ thời điểm năm 2013 đến cuối năm 2018. Sau khi về nước, chị H đã lập tức ly thân và về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Nay chị H xin ly hôn, anh Y không đồng ý vì vẫn còn tình cảm với chị H và mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh NTY thừa nhận anh và chị H có một con chung là cháu NTNK, sinh ngày 12/09/2009. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, chị H đề nghị giao con chung cho anh nuôi dưỡng, anh hoàn toàn đồng ý. Anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

Về tài sản chung vợ chồng: Anh NTY không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có quan điểm:

- Về việc thực hiện tố tụng của Tòa án và các đương sự: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm
- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, nguY đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vu của mình quy định tại điều 58 Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn chấp hành.
- Về nội dung:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguY đơn là chị NTH. Cho chị H được ly hôn với anh NTY.

Về con chung: Chị NTH và anh NTY có một con chung là cháu NTNK, sinh ngày 12/09/2009. Khi ly hôn, chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Y cấp dưỡng, anh Y đồng ý với yêu cầu của chị H. Xét yêu cầu của các bên đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật. Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho chị H nuôi dưỡng.

Về tài sản chung vợ chồng: Chị NTH và anh NTY không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa chị NTH và anh NTY là tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Chị NTH có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, anh NTY đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt họ là đúng quy định tại điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của chị NTH:

Chị NTH và anh NTY kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đúng quy định của pháp luật theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân của chị H và anh Y là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau kết hôn, vợ chồng anh chị thường nảy sinh mâu thuẫn nguY nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày. Đến thời điểm năm 2013, chị H đã đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan. Liên tục sống xa nhau cho đến thời điểm năm 2018, chị H về nước nhưng hai vợ chồng chị tiếp tục sống ly thân. Chị H đã về nhà mẹ đẻ sinh sống.

Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Y không thể hàn gắn được nên cương quyết xin được ly hôn. Anh Y không đồng ý ly hôn và mong muốn hòa giải đoàn tụ vợ chồng. Anh Y cho rằng mình còn tình cảm với chị H tuy nhiên, thời gian anh chị sống xa nhau và tiếp tục là ly thân đã quá lâu, bản thân anh cũng không đưa ra được giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Không có phương án để đoàn tụ, gắn kết gia đình để nối lại tình cảm vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh Y đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nếu duy trì tình trạng này sẽ ảnh hưởng đến đời sống bình thường của các thành viên trong gia đình nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó , căn cứ khoản 1 Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H cho chị H được ly hôn với anh Y.

- Về con chung:

Chị NTH và anh NTY có một con chung là cháu NTNK, sinh ngày 12/09/2009. Khi ly hôn, Trong trường hợp Tòa án cho chị H ly hôn anh Y, chị H đề nghị giao cho anh Y trực tiếp nuôi dưỡng cháu Khánh. Anh Y cũng đồng ý với việc nhận nuôi cháu

Khánh và không yêu cầu chị H cấp dưỡng (việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị H tự nguyện).

Xét thấy: Sự thỏa thuận về vấn đề con chung của chị H và Y xuất phát từ sự tự nguyện của bản thân các anh chị. Thỏa thuận của các anh chị không trái điều cấm của luật, phù hợp với các quy định tại điều 81 , Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung vợ chồng: Chị NTH và anh NTY không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung vợ chồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét giải quyết trong vụ án.

Về án phí: Chị NTH phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 33; khoản 1 Điều 56; Điều 59; Điều 62; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điều 143; Điều 183; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình 2011;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí và án phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị NTH.

Xử cho chị NTH ly hôn anh NTY.

2. Về con chung:

Giao cháu NTNK, sinh ngày 12/09/2009 cho anh NTY trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Chị NTH được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh NTY không yêu cầu chị NTH cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung vợ chồng:

Ghi nhận chị NTH và anh NTY không yêu cầu giải quyết về tài sản chung vợ chồng.

4. Về án phí:

- Chị NTH phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị NTH đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2010/0008501 ngày 03 tháng 12 năm 2018 của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoài Đức - TP Hà Nội. Chị NTH đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

NguY đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã ĐL, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội;
- Thi hành án huyện Hoài Đức;
- VKSND huyện Hoài Đức;
- Phòng GĐKT- TAND TP Hà Nội;
- Lưu HS;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Anh Huy